

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA
Cho kỳ kế toán Q3 và 09 tháng năm 2025
(đã được tự lập)



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo tài chính riêng đã được tự lập	01-39
Bảng cân đối kế toán riêng	01-02
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	03
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	04-05
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	6-39

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II,
Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1,431,327,297,452	1,368,055,608,998
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2,581,670,947	38,628,487,195
111	1. Tiền		2,581,670,947	38,628,487,195
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	212,148,268,161	130,284,580,071
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		212,148,268,161	130,284,580,071
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		748,921,764,607	545,662,235,925
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	636,378,880,325	475,508,887,771
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	67,733,083,127	37,338,008,117
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	44,809,801,155	32,815,340,037
140	IV. Hàng tồn kho	8	448,516,960,449	628,563,538,962
141	1. Hàng tồn kho		448,516,960,449	628,563,538,962
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		19,158,633,288	24,916,766,845
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	6,052,605,170	6,299,517,113
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		13,106,028,118	18,617,249,732
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		705,163,446,319	618,254,363,426
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4,689,787,257	4,776,856,657
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	4,689,787,257	4,776,856,657
220	II. Tài sản cố định		184,319,665,504	200,968,663,925
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	139,232,123,522	144,601,530,585
222	- Nguyên giá		550,874,604,916	539,948,257,609
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(411,642,481,394)	(395,346,727,024)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	45,083,859,584	56,336,070,407
225	- Nguyên giá		59,370,836,858	67,409,423,358
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14,286,977,274)	(11,073,352,951)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	3,682,398	31,062,933
228	- Nguyên giá		565,248,000	565,248,000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(561,565,602)	(534,185,067)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	1,742,600,000	2,155,925,926
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1,742,600,000	2,155,925,926
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	484,678,477,818	367,678,477,818
251	1. Đầu tư vào công ty con		394,678,477,818	274,678,477,818
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		90,000,000,000	90,000,000,000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	3,000,000,000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		29,732,915,740	42,674,439,100
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	29,732,915,740	42,674,439,100
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2,136,490,743,771	1,986,309,972,424

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1,450,129,887,365	1,315,468,485,188
310	I. Nợ ngắn hạn		1,428,256,432,503	1,245,851,674,856
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	252,174,327,919	263,778,418,949
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	82,736,971,772	69,465,433,416
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	19,409,912,345	18,013,528,553
314	4. Phải trả người lao động		10,208,915,634	14,842,024,402
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	21,203,562,583	14,450,223,537
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	12,702,658,489	11,207,879,294
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	1,007,173,452,575	840,090,968,660
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		22,646,631,186	14,003,198,045
330	II. Nợ dài hạn		21,873,454,862	69,616,810,332
331	1. Phải trả người bán dài hạn	14	9,945,532,948	48,552,878,934
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	150,000,000	150,000,000
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	11,777,921,914	20,913,931,398
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		686,360,856,406	670,841,487,236
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	686,360,856,406	670,841,487,236
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		450,000,000,000	450,000,000,000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		450,000,000,000	450,000,000,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		40,010,480,000	40,010,480,000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		94,396,675,823	57,353,390,932
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		101,953,700,583	123,477,616,304
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		77,790,898,272	68,742,120,958
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		24,162,802,311	54,735,495,346
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2,136,490,743,771	1,986,309,972,424

Đồng Nai, ngày 25 tháng 10 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Huỳnh Thị Hải Yến

Nguyễn Thị Kim Loan



Trương Văn Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Q3 2025	Q3 2024	09 tháng đầu năm 2025	09 tháng đầu năm 2024
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	472,592,665,585	353,245,084,880	1,434,237,346,324	1,161,654,265,957
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	231
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		472,592,665,585	353,245,084,880	1,434,237,346,324	1,161,654,265,726
11	4. Giá vốn hàng bán	23	413,465,436,912	283,876,658,041	1,260,575,909,237	947,088,171,707
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		59,127,228,673	69,368,426,839	173,661,437,087	214,566,094,019
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	8,237,714,745	2,169,169,093	13,776,478,649	9,580,005,591
22	7. Chi phí tài chính	25	19,940,232,236	15,060,659,766	55,563,279,795	46,447,884,507
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		19,680,953,856	11,060,096,614	54,593,263,692	37,693,624,219
25	8. Chi phí bán hàng	26	15,772,686,401	20,025,140,325	51,123,309,990	59,837,336,503
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	15,531,416,604	17,214,540,737	45,155,256,075	46,211,772,811
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		16,120,608,177	19,237,255,104	35,596,069,876	71,649,105,789
31	11. Thu nhập khác	28	189,148,556	341	191,003,523	225,209,873
32	12. Chi phí khác	29	281,949,011	42,233,790	503,992,520	3,494,158,996
40	13. Lợi nhuận khác		(92,800,455)	(42,233,449)	(312,988,997)	(3,268,949,123)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		16,027,807,722	19,195,021,655	35,283,080,879	68,380,156,666
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	4,715,712,809	3,322,893,023	11,120,278,568	14,932,766,183
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>11,312,094,913</u>	<u>15,872,128,632</u>	<u>24,162,802,311</u>	<u>53,447,390,483</u>

Đồng Nai, ngày 25 tháng 10 năm 2025

Người lập


Huỳnh Thị Hải Yến

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Kim Loan

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II,
Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	09 tháng đầu năm	09 tháng đầu năm
			2025	2024
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		35,283,080,879	68,380,156,666
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		24,185,284,628	25,044,995,915
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(44,846,830)	(3,883,777,361)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5,615,739,796)	(1,550,445,167)
06	- Chi phí lãi vay		54,593,263,692	37,693,624,219
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		108,401,042,573	125,684,554,272
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(195,226,607,160)	46,511,638,321
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		180,046,578,513	(138,864,869,159)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(36,389,728,246)	(9,367,423,496)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		13,188,435,303	11,004,836,690
14	- Tiền lãi vay đã trả		(51,251,782,392)	(37,683,232,014)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(8,000,000,000)	(21,205,758,029)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		10,767,938,591	(23,920,253,415)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(16,537,163,285)	(55,844,334,724)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		181,818,181	51,734,338,362
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(105,050,000,000)	(7,585,226,604)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		26,500,000,000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(120,000,000,000)	(44,400,000,000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4,442,748	824,802,796
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(214,900,902,356)	(55,270,420,170)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II,
Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**


Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	09 tháng đầu năm	09 tháng đầu năm
			2025	2024
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1,002,024,638,833	785,903,009,368
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(823,577,628,918)	(688,664,616,851)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(10,384,318,190)	(17,137,248,917)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		168,062,691,725	80,101,143,600
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(36,070,272,040)	910,470,015
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		38,628,487,195	14,682,139,213
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		23,455,792	6,636,743
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	2,581,670,947	15,599,245,971


Huỳnh Thị Hải Yến
 Người lập


Nguyễn Thị Kim Loan
 Kế toán trưởng


Trương Văn Việt
 Tổng Giám đốc


Đồng Nai, ngày 25 tháng 10 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 04 tháng 07 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 450.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 450.000.000.000 VND; tương đương 45.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2025 là: 560 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 621 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất gạch ceramic, granite và vật liệu xây dựng từ đất sét.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất máy móc thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: sản xuất gạch ceramic, granite;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ (đồ gỗ nội thất, mỹ nghệ...);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Trong 09 tháng đầu năm 2025, mặc dù doanh thu của Công ty tiếp tục tăng trưởng 23,46% so với cùng kỳ năm 2024 từ 1161,6 tỷ VND lên 1434,2 tỷ VND nhưng giá vốn đã tăng tới 33,1% so với giá vốn cùng kỳ năm 2024 từ mức 947 tỷ VND lên 1260,5 tỷ VND. Mức tăng giá vốn cao hơn mức tăng doanh thu đã dẫn đến lợi nhuận gộp của Công ty đã giảm 40,9 tỷ VND, tương đương tỷ lệ giảm 19,06%. Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đẩy mạnh hoạt động bán hàng hóa- nguyên vật liệu (là hoạt động có biên lợi nhuận thấp), giảm hoạt động bán thành phẩm của Công ty (là hoạt động có biên lợi nhuận cao) để tăng khả năng thanh khoản, rút ngắn vòng quay vốn. Từ đó dẫn tới doanh thu tăng, giá vốn tăng nhưng lợi nhuận gộp giảm mạnh.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con Cho kỳ kế toán Q3 và 09 tháng năm 2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của toàn Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025

- Chi phí trả trước về sử dụng thương hiệu được ghi nhận theo giá trị thương hiệu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn quy định trong hợp đồng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác chi phí lãi tiền vay phải trả, trích trước chi phí nhiên liệu, chi phí tiền điện, tiền thuê đất... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	1,070,727,823	1,311,344,819
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1,510,943,124	37,317,142,376
	<u>2,581,670,947</u>	<u>38,628,487,195</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	212,148,268,161	-	130,284,580,071	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	212,148,268,161	-	130,284,580,071	-
Đầu tư dài hạn	-	-	3,000,000,000	-
- Trái phiếu	-	-	3,000,000,000	-
	<u>212,148,268,161</u>	<u>-</u>	<u>133,284,580,071</u>	<u>-</u>

Tại ngày 30/09/2025, các đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng đến 12 tháng có giá trị 212.148.268.161 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 2,9%/năm đến 5,1%/năm."

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/09/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	394,678,477,818	-	-	274,678,477,818	-	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone	394,678,477,818	-	-	274,678,477,818	-	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	90,000,000,000	-	-	90,000,000,000	-	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	90,000,000,000	-	-	90,000,000,000	-	-
	<u>484,678,477,818</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>364,678,477,818</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<i>Công ty con</i>				
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone	Đồng Nai	92.006%	92.006%	Cho thuê nhà xưởng, sản xuất vật liệu xây dựng
<i>Công ty liên kết</i>				
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	Đồng Nai	45.00%	45.00%	Sản xuất vật liệu xây dựng

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	46,070,819,297	-	92,859,738,979	-
Công ty Cổ phần Vinagres	15,649,172,001	-	25,602,313,404	-
Royal American Wholesale	2,221,233,379	-	2,338,141,668	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	13,720,709,835	-	13,895,092,750	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	-	-	6,705,149,684	-
Công ty Cổ phần Bảo Sơn	12,649,269,042	-	36,639,606,433	-
Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia Xanh	1,830,435,040	-	7,679,435,040	-
Bên khác	590,308,061,028	-	382,649,148,792	-
Công ty Cổ phần Top Tile	266,901,368,134	-	101,026,292,555	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quán	50,474,033,961	-	43,016,085,398	-
Rc Flooring Distributor	23,813,035,243	-	23,341,581,518	-
Care About Trading Co., Ltd	44,387,129,309	-	33,042,985,523	-
Công ty TNHH Mylux Việt Nam	35,860,373,819	-	33,346,694,862	-
New Pacific Marble & Title	25,738,758,304	-	25,229,178,850	-
Các khách hàng khác	143,133,362,258	-	123,646,330,086	-
	636,378,880,325	-	475,508,887,771	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	9,884,310,668	-	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone	9,884,310,668	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác	57,848,772,459	-	37,338,008,117	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Dịch vụ Hoàng Quân	6,895,833,094	-	6,895,833,094	-
Công Ty TNHH MTV Trang Mình Anh	4,941,943,291	-	4,941,943,291	-
Công Ty CP Kiến Trúc Và Đầu Tư Xây Dựng Sài Gòn	-	-	3,500,000,000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	30,005,487,526	-	14,730,527,948	-
Trả trước cho người bán khác	16,005,508,548	-	7,269,703,784	-
	67,733,083,127	-	37,338,008,117	-
7 . PHẢI THU KHÁC				
	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi	3,936,539,882	-	1,546,756,204	-
Cho mượn tiền (2)	9,954,298,775	-	-	-
Phải thu liên quan hoạt động thuê tài chính	918,530,344	-	1,241,563,393	-
Khoản giao xây dựng và mua lại tài sản (1)	30,000,000,000	-	30,000,000,000	-
Chuyển dây chuyền sản xuất gạch khô lớn Big Slab cho Công ty con (2)	-	-	-	-
Phải thu khác	432,154	-	27,020,440	-
	44,809,801,155	-	32,815,340,037	-
a2) Chi tiết theo đối tượng				
Ông Huỳnh Sơn Tùng (1)	30,000,000,000	-	30,000,000,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025

Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn	872,638,258	-	1,136,361,599	-
	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công Ty Cổ phần Sản Xuất và Đầu Tư Royal House	6,450,000,000	-	-	-
Công Ty Cổ phần Sản Xuất và Đầu tư Sintered Stone	3,504,298,775	-	-	-
Các ngân hàng thương mại	3,936,539,882	-	1,546,756,204	-
Các đối tượng khác	46,324,240	-	132,222,234	-
	<u>44,809,801,155</u>	<u>-</u>	<u>32,815,340,037</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
b1) Chi tiết theo nội dung				
Ký cược, ký quỹ	4,689,787,257	-	4,776,856,657	-
	<u>4,689,787,257</u>	<u>-</u>	<u>4,776,856,657</u>	<u>-</u>
b2) Chi tiết theo đối tượng				
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn	1,401,999,650	-	1,489,069,050	-
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế	2,442,107,607	-	2,442,107,607	-
Các đối tượng khác	845,680,000	-	845,680,000	-
	<u>4,689,787,257</u>	<u>-</u>	<u>4,776,856,657</u>	<u>-</u>
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
Ông Huỳnh Sơn Tùng (1)	30,000,000,000	-	30,000,000,000	-
Công Ty Cổ phần Sản Xuất và Đầu Tư Royal House	6,450,000,000	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025

Công Ty Cổ phần Sản Xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone	3,504,298,775	-	-	-
	<u>39,954,298,775</u>	<u>-</u>	<u>30,000,000,000</u>	<u>-</u>

(1) Khoản thỏa thuận và giao việc cho ông Huỳnh Sơn Tùng theo biên bản thỏa thuận số 01/CTCP HST/BBTT ngày 07/09/2022 về việc ông Huỳnh Sơn Tùng chủ sở hữu lô đất 716 Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh thực hiện xây dựng tòa nhà văn phòng và showroom trên mảnh đất này và sau khi công trình hoàn thành sẽ tiến hành chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất cho Công ty.

Mục đích công việc nêu trên nhằm thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà văn phòng và showroom để mở rộng văn phòng làm việc và showroom trưng bày sản phẩm, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

Trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 24 tỷ VND còn giá trị xây dựng công trình dự kiến là 12 tỷ VND và có thể thay đổi khi có quyết toán xây dựng.

Công ty ứng trước cho ông Huỳnh Sơn Tùng số tiền 30 tỷ VND và đã thực hiện xong việc mua lô đất và xây dựng công trình trên đất. Hiện tại công trình đã hoàn thành nhưng chưa thể đưa vào sử dụng do Công ty và ông Huỳnh Sơn Tùng đang thực hiện các thủ tục để hoàn công công trình với cơ quan chức năng.

(2) Trong đó bao gồm khoản cho Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone mượn tiền theo văn bản cho mượn số 03/HDMT/2025-RYG ngày 19/05/2025 về việc Công ty cho Công ty con mượn số tiền 3,504 tỷ VND nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản cho mượn tiền không tính lãi suất, không có tài sản đảm bảo và có thời hạn hoàn trả trong vòng 1 năm.

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	175,962,363	-	299,661,785	-
Nguyên liệu, vật liệu	109,002,906,572	-	97,431,016,420	-
Công cụ, dụng cụ	26,262,319,347	-	19,730,431,198	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở đang	1,987,304,827	-	8,198,954,088	-
Thành phẩm	233,777,793,451	-	246,173,229,649	-
Hàng hoá	74,677,302,753	-	252,505,459,255	-
Hàng gửi đi bán	2,633,371,136	-	4,224,786,567	-
	<u>448,516,960,449</u>	<u>-</u>	<u>628,563,538,962</u>	<u>-</u>

9 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/09/2025 VND	01/01/2025 VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Chi phí sửa chữa tòa nhà văn phòng RYG	1,617,600,000	925,925,926
- Thi công mái che, móng và sàn cho 2 cối nghiền xương 60 tấn	-	1,230,000,000
- Hệ Thống Báo cháy KV nhà ăn	125,000,000	-
	<u>1,742,600,000</u>	<u>2,155,925,926</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	117,868,307,224	404,589,032,937	10,402,495,191	3,944,152,222	3,144,270,035	539,948,257,609
- Mua trong kỳ	1,078,878,800	-	-	-	-	1,078,878,800
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6,457,407,407	-	-	-	-	6,457,407,407
- Tăng từ mua lại tài sản thuê tài chính	-	8,038,586,500	-	-	-	8,038,586,500
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4,648,525,400)	-	-	(4,648,525,400)
Số dư cuối kỳ	125,404,593,431	412,627,619,437	5,753,969,791	3,944,152,222	3,144,270,035	550,874,604,916
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	82,108,048,783	301,251,748,987	8,431,347,863	2,748,318,391	807,263,000	395,346,727,024
- Khấu hao trong kỳ	3,474,999,040	13,094,364,941	646,830,190	276,830,746	235,820,253	17,728,845,170
- Tăng từ mua lại tài sản thuê tài chính	-	3,215,434,600	-	-	-	3,215,434,600
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4,648,525,400)	-	-	(4,648,525,400)
Số dư cuối kỳ	85,583,047,823	317,561,548,528	4,429,652,653	3,025,149,137	1,043,083,253	411,642,481,394
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	35,760,258,441	103,337,283,950	1,971,147,328	1,195,833,831	2,337,007,035	144,601,530,585
Tại ngày cuối kỳ	39,821,545,608	95,066,070,909	1,324,317,138	919,003,085	2,101,186,782	139,232,123,522

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 5,408,696,291 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 42,341,308,013 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Ngắn hạn				
a1) Bên liên quan	1,374,995,157	1,374,995,157	7,667,817,005	7,667,817,005
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal	291,890,381	291,890,381	2,332,101,636	2,332,101,636
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	-	-	3,434,093,689	3,434,093,689
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered stone	-	-	1,623,321,680	1,623,321,680
Công ty Cổ Phần Bảo Sơn Xanh	-	-	278,300,000	278,300,000
Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia Xanh	1,083,104,776	1,083,104,776	-	-
a2) Bên khác	250,799,332,762	250,799,332,762	256,110,601,944	256,110,601,944
Công ty Cổ phần Frit Huế	10,837,741,674	10,837,741,674	11,235,721,330	11,235,721,330
CN Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu Khí VN - XN PP Khí Thấp Áp Nhơn Trạch	-	-	3,701,565,394	3,701,565,394
Công ty Cổ phần Công nghệ Hexagon	3,244,823,187	3,244,823,187	7,943,838,176	7,943,838,176
Forwell International (HK) Co., LTD	82,438,381,643	82,438,381,643	58,916,696,697	58,916,696,697
Đối tượng khác	154,278,386,258	154,278,386,258	174,312,780,347	174,312,780,347
	252,174,327,919	252,174,327,919	263,778,418,949	263,778,418,949
b) Dài hạn				
Bên khác				
Forwell International (HK) Co., LTD	9,945,532,948	9,945,532,948	48,552,878,934	48,552,878,934
	9,945,532,948	9,945,532,948	48,552,878,934	48,552,878,934

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025**15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>30/09/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
a1) Bên liên quan	-	2,304,983,286
Công Ty Cổ Phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	-	876,023,364
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone	-	1,428,959,922
a2) Bên khác	82,736,971,772	67,160,450,130
Công ty TNHH VINAMEN	-	5,232,580,340
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hùng Ngọc	17,426,386,391	14,620,634,450
DREAMTEK INTERNATIONAL CORPORATION	15,740,938,949	3,750,777,400
Công ty TNHH thương mại và vật liệu xây dựng Thành Phát	11,209,766,878	
Công Ty TNHH Trang Hòa	2,716,788,849	10,617,943,391
Đối tượng khác	35,643,090,705	32,938,514,549
	<u>82,736,971,772</u>	<u>69,465,433,416</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	6,430,764,875	6,430,764,875	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	211,829,393	211,829,393	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	15,348,552,796	11,120,278,568	8,000,000,000	-	18,468,831,364
Thuế Thu nhập cá nhân	-	2,664,975,757	1,333,379,619	3,057,274,395	-	941,080,981
Các loại thuế khác	-	-	3,000,000	3,000,000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4,825,000	4,825,000	-	-
	-	18,013,528,553	19,104,077,455	17,707,693,663	-	19,409,912,345

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	2,314,674,593	973,730,310
- Trích trước chi phí tiền điện	1,741,092,717	1,645,451,218
- Trích trước chi phí nhiên liệu khí thấp áp	12,528,330,822	9,886,422,942
- Trích trước tiền thuê đất	2,290,938,844	49,414,357
- Chi phí phải trả khác	2,328,525,607	1,895,204,710
	<u>21,203,562,583</u>	<u>14,450,223,537</u>

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a1) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	5,892,893,002	5,294,461,302
- Bảo hiểm xã hội	1,931,685,972	2,788,258,228
- Bảo hiểm y tế	158,804,063	187,822,800
- Bảo hiểm thất nghiệp	69,691,005	83,252,800
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	205,500,000	205,500,000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4,444,084,447	2,648,584,164
	<u>12,702,658,489</u>	<u>11,207,879,294</u>
a2) Chi tiết theo đối tượng		
- Cán bộ công nhân viên Công ty	4,444,084,447	2,573,206,322
- Công đoàn cấp cơ sở	5,892,893,002	5,294,461,302
- Cơ quan bảo hiểm	2,160,181,040	3,059,333,828
- Các đối tượng khác	205,500,000	280,877,842
	<u>12,702,658,489</u>	<u>11,207,879,294</u>
b) Dài hạn		
b1) Chi tiết theo nội dung		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	150,000,000	150,000,000
	<u>150,000,000</u>	<u>150,000,000</u>
b2) Chi tiết theo đối tượng		
- Công ty TNHH Quảng Lộc Phát	150,000,000	150,000,000
	<u>150,000,000</u>	<u>150,000,000</u>

(*) Gồm 2 văn bản mượn tiền với ông Nguyễn Minh Tuyên và bà Lê Thị Vi Na với giá trị lần lượt là 1 tỷ VND và 8,6 tỷ VND. Các khoản mượn tiền này phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và không tính lãi suất và có thời hạn hoàn trả theo yêu cầu của bên cho mượn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025

19 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2025		Trong kỳ		30/09/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	827,835,440,802	827,835,440,802	991,768,818,290	824,012,287,429	995,591,971,663	995,591,971,663
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa (1)	154,281,071,705	154,281,071,705	162,811,072,425	163,963,436,577	153,128,707,553	153,128,707,553
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Nai (2)	108,702,665,268	108,702,665,268	105,840,025,604	106,842,519,880	107,700,170,992	107,700,170,992
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất (3)	144,612,906,773	144,612,906,773	132,800,634,830	151,419,306,773	125,994,234,830	125,994,234,830
- Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng Và Phát Triển-Chi nhánh Vũng Tàu (4)	120,376,628,422	120,376,628,422	150,583,359,776	152,037,410,061	118,922,578,137	118,922,578,137
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (5)	59,987,514,015	59,987,514,015	29,887,445,504	89,874,959,519	-	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Gia Định (6)	59,877,556,533	59,877,556,533	59,962,433,792	59,877,556,533	59,962,433,792	59,962,433,792
- Ngân Hàng TMCP An Bình CN Sài Gòn (7)	99,997,098,086	99,997,098,086	99,979,746,331	99,997,098,086	99,979,746,331	99,979,746,331
- Ngân hàng Woori - Chi nhánh Bắc Ninh (8)	80,000,000,000	80,000,000,000	-	-	80,000,000,000	80,000,000,000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam Chi nhánh Sài Gòn (9)	-	-	149,951,150,933	-	149,951,150,933	149,951,150,933
- Ngân hàng TNHH một thành viên United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (10)	-	-	99,952,949,095	-	99,952,949,095	99,952,949,095

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025

19 . CÁC KHOẢN VAY (tiếp)

	01/01/2025		Trong kỳ		30/09/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	12,255,527,858	12,255,527,858	9,136,009,484	9,810,056,430	11,581,480,912	11,581,480,912
- Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL)	5,069,966,000	5,069,966,000	4,021,575,200	4,329,306,000	4,762,235,200	4,762,235,200
- Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chaileas (12)	5,250,531,354	5,250,531,354	3,663,161,406	4,029,477,552	4,884,215,208	4,884,215,208
- Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV Sumi Trust (13)	1,935,030,504	1,935,030,504	1,451,272,878	1,451,272,878	1,935,030,504	1,935,030,504
	840,090,968,660	840,090,968,660	1,000,904,827,774	833,822,343,859	1,007,173,452,575	1,007,173,452,575
b) Vay dài hạn						
- Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL)	12,461,011,428	12,461,011,428	4,903,567,760	9,232,873,760	8,131,705,428	8,131,705,428
- Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chaileas (12)	11,355,800,370	11,355,800,370	4,029,477,552	8,058,955,104	7,326,322,818	7,326,322,818
- Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV Sumi Trust (13)	9,352,647,458	9,352,647,458	1,451,272,878	2,902,545,756	7,901,374,580	7,901,374,580
	33,169,459,256	33,169,459,256	10,384,318,190	20,194,374,620	23,359,402,826	23,359,402,826
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(12,255,527,858)	(12,255,527,858)	(9,136,009,484)	(9,810,056,430)	(11,581,480,912)	(11,581,480,912)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	20,913,931,398	20,913,931,398			11,777,921,914	11,777,921,914

c) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Số hợp đồng	Ngày HD	Hạn mức (VND)	Số dư 30/09/2025 (Nguyên tệ)	Số dư quy đổi VND 30/09/2025 (VND)	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản bảo đảm
(1) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa				153,128,707,553				
01/2024-HĐCVHM/NHCT682 - HOANGGIA	21/11/2024	150,000,000,000	153.128.707.553 VND	153,128,707,553	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch men	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(2) Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Nai				107,700,170,992				
202025393705/L1/03	24/02/2025	110,000,000,000	102.136.064.822 VND và 210.395 USD	107,700,170,992	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(3) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất				125,994,234,830				
01/2025/7856791/HĐT D	05/08/2025	150,000,000,000	125.994.234.830 VND	125,994,234,830	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(4) Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng Và Phát Triển - Chi nhánh Vũng Tàu				118,922,578,137				
510.368/24/DN	08/10/2024	155,000,000,000	118.922.578.137 VND	118,922,578,137	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(5) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai				-				
					Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm đầu tư tài sản cố định, giải ngân cho công ty trong nhóm khách hàng liên quan.	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(6) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Gia Định				59,962,433,792				
240496.24.220.828327.TD	30/08/2024	70,000,000,000	59.962.433.792 VND	59,962,433,792	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch ốp lát	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(7) Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Sài Gòn				99,979,746,331				

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025

2747/24/TD/SME/029	21/09/2024	100,000,000,000	99.979.746.331 VND	99,979,746,331	Tài trợ bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch men các loại	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(8) Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam-Chi nhánh Bắc Ninh				80,000,000,000				
VN12401531	13/11/2024	80,000,000,000	80.000.000.000 VND	80,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch men	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(9) Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam Chi nhánh Sài Gòn				149,951,150,933				
1061986.24	15/01/2025	150,000,000,000	149.951.150.933 VND	149,951,150,933	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Hợp đồng tiền gửi, Hàng tồn kho luân chuyển và khoản phải thu luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty.
(10) Ngân hàng TNHH một thành viên United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh				99,952,949,095				
UOB/HCMC/CMB-HG-1004	09/01/2025	100,000,000,000	99.952.949.095 VND	99,952,949,095	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Hợp đồng tiền gửi, các khoản phải thu theo hình thức thả nổi và bảo lãnh cá nhân trị giá 100 tỷ VND thực hiện bởi ông Đình Việt Anh.

d) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn:

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức (VND)	Số dư 30/09/2025 (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả (VND)	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản bảo đảm
(11) Công ty TNHH MTV CTFC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL)			8,131,705,428	1,190,558,800				
SBL010202210047	28/10/2022	584,800,000	182,750,000	36,550,000	Đầu tư xe ô tô tải (pickup cabin kép) nhãn hiệu FORD, số loại RANGER TRABCH2P0C3CXKL1, biển số 60C-637.38	48 tháng	8,5%/năm	01 xe ô tô tải (pickup cabin kép) nhãn hiệu FORD, số loại RANGER TRABCH2P0C3CXKL1, biển số 60C-637.38
SBL010202208067	31/08/2022	6,821,071,780	2,699,392,900	449,898,800	Đầu tư 01 bộ máy ép thủy lực, nhãn hiệu HLT, model YP 3609 , hãng SX HLT INDUSTRY CO., LTD	48 tháng	9%/năm	01 bộ máy ép thủy lực, nhãn hiệu HLT, model YP 3609 , hãng SX HLT INDUSTRY CO., LTD
SBL01020230310	10/03/2023	4,549,159,200	895,390,200	127,913,000	Đầu tư 03 máy đóng gói, 02 máy buộc đai nhãn hiệu KEDA của Xincheng International Co.,Ltd	52 tháng	10,5%/năm	03 máy đóng gói, 02 máy buộc đai nhãn hiệu KEDA, hãng sản xuất Xincheng International Co.,Ltd

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025

SBL010202307039	01/08/2023	2,361,051,828	988,493,128	109,832,600	Đầu tư hệ thống bù gạch nhân hiệu Rong Zhi Cheng Co., Ltd, model ZNCP288 mới 100%, xuất xứ TQ, sản xuất 2023	48 tháng	10,5%/năm	Hệ thống bù gạch nhân hiệu Rong Zhi Cheng Co., Ltd, model ZNCP288 mới 100%, xuất xứ TQ, sản xuất 2023
SBL010202311033	21/11/2023	1,078,707,101	455,079,200	50,564,400	Đầu tư máy làm mát gạch sử dụng trong dây chuyền SX gạch men, nhân hiệu SMAC, model KRYO 2.0 S.90, số serial 1012BN, mới 100%, SX năm 2023, xuất xứ Italy	48 tháng	9,7%/năm	Máy làm mát gạch sử dụng trong dây chuyền SX gạch men, nhân hiệu SMAC, model KRYO 2.0 S.90, số serial 1012BN, mới 100%, SX năm 2023, xuất xứ Italy
SBL010202301025	31/01/2023	8,962,800,000	2,910,600,000	415,800,000	Đầu tư 01 máy phun kỹ thuật số, 01 máy phủ men khô, hãng sản xuất Foshan Sanshui Yingjie Precision Machinery Co., LTD	48 tháng	10,5%/năm	01 máy phun kỹ thuật số model K8-700(560)/6+2. 01 máy phủ men khô model GL-P1200/L3.4WP
(12) Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease			7,326,322,818	1,221,053,802				
CP-CILC00102.2024	14/03/2024	14,652,645,640	7,326,322,818	1,221,053,802	Máy móc thiết bị xưởng GTT2 - Hoàng Gia	60 tháng	8,73%/năm	Máy móc thiết bị xưởng GTT2 - Hoàng Gia
(13) CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH TNHH BIDV-SUMI TRUST- CN TP HCM			7,901,374,580	483,757,626				
2182400068	25/09/2024	9,513,900,000	7,901,374,580	483,757,626	Xe ô tô Lexus, Biển số 51L-222.44	60 tháng	8,10%/năm	Xe ô tô Lexus, Biển số 51L-222.44

Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	450,000,000,000	40,010,480,000	-	191,177,969,774	681,188,449,774
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	53,447,390,483	53,447,390,483
Số dư cuối kỳ trước	450,000,000,000	40,010,480,000	-	244,625,360,257	734,635,840,257
Số dư đầu kỳ này	450,000,000,000	40,010,480,000	57,353,390,932	123,477,616,304	670,841,487,236
Lãi trong kỳ này	-	-	-	24,162,802,311	24,162,802,311
Phân phối lợi nhuận	-	-	37,043,284,891	(45,686,718,032)	(8,643,433,141)
Số dư cuối kỳ này	450,000,000,000	40,010,480,000	94,396,675,823	101,953,700,583	686,360,856,406

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 31/2025/NQ-DHĐCĐ ngày 20/06/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100.00	123,477,616,304
Trích Quỹ đầu tư phát triển	30.00	37,043,284,891
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Ban điều hành	7.00	8,643,433,141
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (bằng 12% vốn điều lệ)	43.73	54,000,000,000
Thù lao HĐQT, UBKT	5.43	6,700,000,000
Lợi nhuận chưa phân phối	13.84	17,090,898,272

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Đinh Việt Anh	93,600,000,000	20.80	93,600,000,000	20.80
Bà Lê Thị Vi Na	26,740,000,000	5.94	88,740,000,000	19.72
Bà Nguyễn Thị Lê	48,166,000,000	10.71	67,860,000,000	15.08
Ông Huỳnh Quang Báo	16,200,000,000	3.60	16,200,000,000	3.60
Ông Trương Văn Việt	3,930,000,000	0.87	3,930,000,000	0.87
Các cổ đông khác	261,364,000,000	58.08	179,670,000,000	39.93
	450,000,000,000	100.00	450,000,000,000	100.00

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
	09 tháng đầu năm 2025	09 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<u>450,000,000,000</u>	<u>450,000,000,000</u>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<u>450,000,000,000</u>	<u>450,000,000,000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	<u>205,500,000</u>	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<u>205,500,000</u>	-
d) Cổ phiếu		
	30/09/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45,000,000	45,000,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	45,000,000	45,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	45,000,000	45,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45,000,000	45,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	45,000,000	45,000,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000
e) Các quỹ công ty		
	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	94,396,675,823	57,353,390,932
	<u>94,396,675,823</u>	<u>57,353,390,932</u>
21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG		
a) Tài sản thuê ngoài		
Công ty thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2025, tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng không hủy ngang theo thời hạn được trình bày như sau:		
	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	3,641,400,000	3,641,400,000
- Trên 1 năm đến 5 năm	14,565,600,000	14,565,600,000
- Trên 5 năm	98,621,250,000	100,441,950,000
	<u>116,828,250,000</u>	<u>118,648,950,000</u>
b) Ngoại tệ các loại		
	30/09/2025	01/01/2025
- Đồng đô la Mỹ (USD)	6,133.44	25,774.51

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025**22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	09 tháng đầu năm 2025	09 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	588,146,930,696	662,136,377,093
Doanh thu bán hàng hoá	268,515,765,617	196,558,422,856
Doanh thu bán nguyên vật liệu	575,312,833,738	297,252,649,710
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2,261,816,273	5,706,816,298
	<u>1,434,237,346,324</u>	<u>1,161,654,265,957</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	<u>145,014,850,283</u>	<u>145,300,014,678</u>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	09 tháng đầu năm 2025	09 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	439,291,189,256	489,615,425,861
Giá vốn của hàng hóa đã bán	253,185,563,739	167,887,772,503
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	566,034,990,437	285,655,227,830
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2,064,165,805	3,929,745,513
	<u>1,260,575,909,237</u>	<u>947,088,171,707</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	<u>83,231,875,017</u>	<u>72,349,704,015</u>

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	09 tháng đầu năm 2025	09 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	5,433,921,614	1,347,697,014
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	8,274,254,413	4,348,531,216
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	68,302,622	3,883,777,361
	<u>13,776,478,649</u>	<u>9,580,005,591</u>

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	09 tháng đầu năm 2025	09 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	54,593,263,692	37,693,624,219
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	250,000,000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	695,576,377	8,754,260,288
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	23,455,792	-
Chi phí tài chính khác	983,934	-
	<u>55,563,279,795</u>	<u>46,447,884,507</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025**26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	09 tháng đầu năm 2025	09 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2,694,170,462	3,284,928,535
Chi phí nhân công	8,367,251,560	10,831,728,601
Chi phí khấu hao tài sản cố định	693,696,443	389,116,469
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38,589,500,464	44,730,423,359
Chi phí khác bằng tiền	778,691,061	601,139,539
	51,123,309,990	59,837,336,503
Trong đó: Chi phí bán hàng mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	2,613,983,454	2,833,528,909

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	09 tháng đầu năm 2025	09 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	579,845,217	507,732,535
Chi phí nhân công	18,405,508,098	20,189,290,730
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,940,428,094	1,034,720,466
Thuế, phí, lệ phí	3,000,000	4,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23,641,551,246	24,138,272,775
Chi phí khác bằng tiền	584,923,420	337,756,305
	45,155,256,075	46,211,772,811

28 . THU NHẬP KHÁC

	09 tháng đầu năm 2025	09 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	181,818,182	202,748,153
Tiền phạt thu được	-	17,030,500
Thu nhập khác	9,185,341	5,431,220
	191,003,523	225,209,873

29 . CHI PHÍ KHÁC

	09 tháng đầu năm 2025	09 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt	275,133,326	762,616,363
Hàng khuyến mãi không thu tiền	228,859,194	2,731,542,633
	503,992,520	3,494,158,996

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	09 tháng đầu năm 2025	09 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35,283,080,879	68,380,156,666
Các khoản điều chỉnh tăng	20,318,311,961	1,277,107,955
- Chi phí không hợp lệ	20,318,311,961	1,277,107,955
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(2,689,857,664)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	-	(2,689,857,664)
Thu nhập chịu thuế TNDN	55,601,392,840	66,967,406,957
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	11,120,278,568	13,393,481,391
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	1,620,972,866
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	15,348,552,796	19,584,785,163
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(8,000,000,000)	(21,205,758,029)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	18,468,831,364	13,393,481,391

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	09 tháng đầu năm 2025	09 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	286,073,127,668	337,780,873,934
Chi phí nhân công	88,648,337,954	94,080,554,924
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24,185,284,628	25,044,995,915
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93,810,797,021	129,857,748,809
Chi phí khác bằng tiền	1,979,872,822	830,873,539
494,697,420,093	587,595,047,121	

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/09/2025				
Tiền	1,510,943,124	-	-	1,510,943,124
Phải thu khách hàng, phải thu khác	681,188,681,480	4,689,787,257	-	685,878,468,737
Các khoản cho vay	212,148,268,161	-	-	212,148,268,161
	894,847,892,765	4,689,787,257	-	899,537,680,022
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền	37,317,142,376	-	-	37,317,142,376
Phải thu khách hàng, phải thu khác	508,324,227,808	4,776,856,657	-	513,101,084,465
Các khoản cho vay	130,284,580,071	-	-	130,284,580,071
	675,925,950,255	4,776,856,657	-	680,702,806,912

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/09/2025				
Vay và nợ	1,007,173,452,575	11,777,921,914	-	1,018,951,374,489
Phải trả người bán, phải trả khác	264,876,986,408	10,095,532,948	-	274,972,519,356
Chi phí phải trả	21,203,562,583	-	-	21,203,562,583
	1,293,254,001,566	21,873,454,862	-	1,315,127,456,428
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	840,090,968,660	20,913,931,398	-	861,004,900,058
Phải trả người bán, phải trả khác	274,986,298,243	48,702,878,934	-	323,689,177,177
Chi phí phải trả	14,450,223,537	-	-	14,450,223,537
	1,129,527,490,440	69,616,810,332	-	1,199,144,300,772

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

a) Theo lĩnh vực kinh doanh

	Sản phẩm Gạch Ceramic VND	Sản phẩm Gạch Porcelain VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	499,615,302,143	357,047,394,170	577,574,650,011	1,434,237,346,324
Chi phí bộ phận trực tiếp	412,692,639,710	278,939,901,184	568,943,368,343	1,260,575,909,237
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	86,922,662,433	78,107,492,986	8,631,281,668	173,661,437,087
Tổng chi phí mua TSCĐ				7,536,286,207
Tài sản bộ phận trực tiếp	501,505,671,348	358,398,336,377	579,759,990,067	1,439,663,997,792
Tài sản không phân bổ				696,826,745,979
Tổng tài sản	501,505,671,348	358,398,336,377	579,759,990,067	2,136,490,743,771

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025

	Sản phẩm Gạch Ceramic VND	Sản phẩm Gạch Porcelain VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	505,151,454,659	361,003,775,853	583,974,656,853	1,450,129,887,365
Tổng nợ phải trả	505,151,454,659	361,003,775,853	583,974,656,853	1,450,129,887,365

b) Theo khu vực địa lý

	Trong nước VND	Xuất khẩu VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,273,521,528,753	160,715,817,571	1,434,237,346,324
Tài sản bộ phận			2,136,490,743,771
Tổng chi phí mua TSCĐ			7,536,286,207

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Royal American Wholesale	Bà Huỳnh Thị Đông Thi cổ đông lớn của Royal American Wholesale và là vợ của Ông Đình Việt Anh
Công ty Cổ phần Vinagres	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Vinagres là em vợ của ông Đình Việt Anh
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	Bà Lê Thị Vi Na là Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh là cổ đông lớn của Công ty.
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	Bà Huỳnh Thị Đông Thi là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê, là vợ của ông Đình Việt Anh.
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây là em vợ của ông Đình Việt Anh
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone	Công ty con
Ông Đình Việt Anh	Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	Vợ ông Đình Việt Anh - Chủ tịch HĐQT.
Ông Trịnh Xuân Hùng	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
Ông Huỳnh Sơn Tùng	Em trai bà Huỳnh Thị Đông Thi - vợ của ông Đình Việt
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm từ năm 2024)
Ông Nguyễn Anh Bình	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15/08/2025)
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng
Ông Phạm Hữu Phú	Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Bà Lê Thị Vi Na	Cổ đông lớn của Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	09 tháng đầu năm 2025	09 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu	145,014,850,283	145,300,014,678
Công ty Cổ phần Vinagres	99,683,641,764	81,463,223,788
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	9,222,571,911	1,197,600
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	7,035,000	27,071,516,526
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	25,505,201,001	28,995,256,097
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	1,418,160,023	7,768,820,667
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone	9,178,240,584	-
Mua hàng, sử dụng dịch vụ	83,231,875,017	72,349,704,015
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	4,927,695,602	1,059,031,300
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	362,244,045	1,020,340,000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone	43,197,550,619	-
Công ty Cổ phần Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia Xanh	28,736,384,751	51,106,001,315
Công ty Cổ Phần Bảo Sơn Xanh	6,008,000,000	19,164,331,400
Đầu tư góp vốn	120,000,000,000	38,200,000,000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone	120,000,000,000	38,200,000,000
Chi phí bán hàng	2,613,983,454	2,833,528,909
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone	2,613,983,454	2,833,528,909

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	09 tháng đầu năm 2025	09 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu nhập HĐQT, Ban Tổng Giám đốc		
Ông Đinh Việt Anh	613,217,650	702,217,320
Ông Trịnh Xuân Hùng	-	402,713,050
Ông Phan Bá Hiệu	503,276,110	545,998,850
Ông Trương Văn Việt	614,011,530	543,218,460
Ông Phạm Đình Hoàng (đã miễn nhiệm trong năm 2024)	-	275,194,450
Ông Phạm Hữu Phú	-	-
Ông Nguyễn Anh Bình	252,665,670	-
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	577,180,230	464,857,110

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán q3 và 09 tháng năm 2025

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

Huỳnh Thị Hải Yến
Người lập

Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng

Trương Văn Việt
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 25 tháng 10 năm 2025